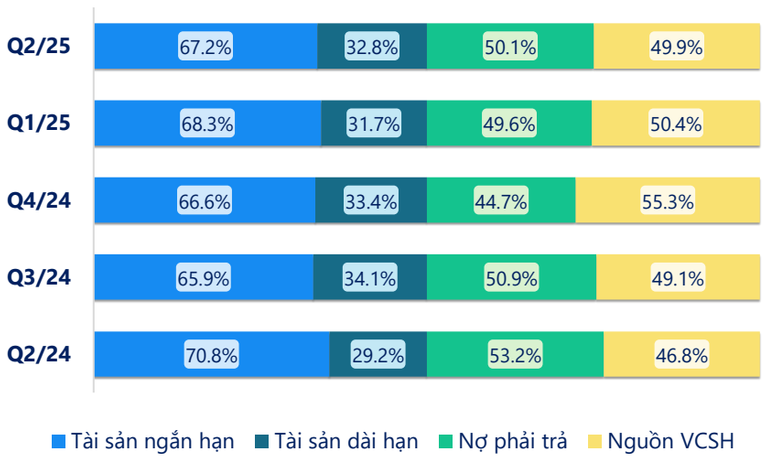
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	40,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,100
SL cổ phiếu LH	11,737,728
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,735
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
P/E	7.7
EPS	5,260

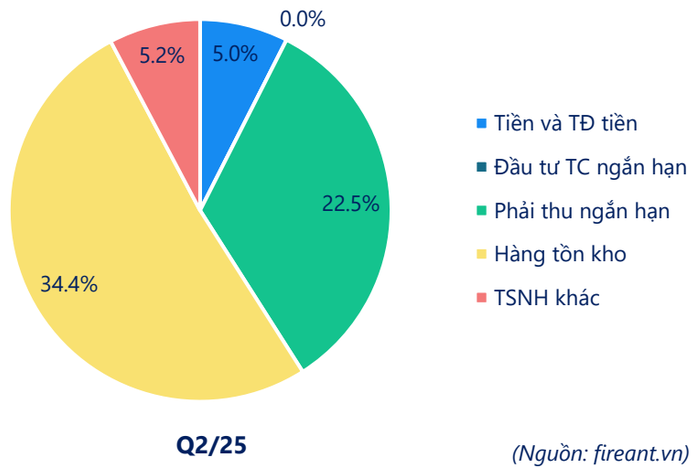
	YTD	1T	3T	6T
BKC	497.0%	101.0%	50.9%	475.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



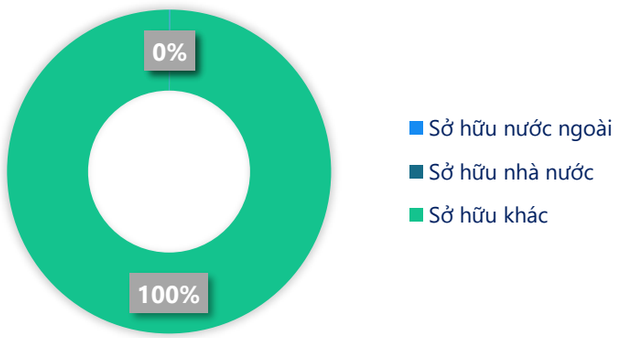
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



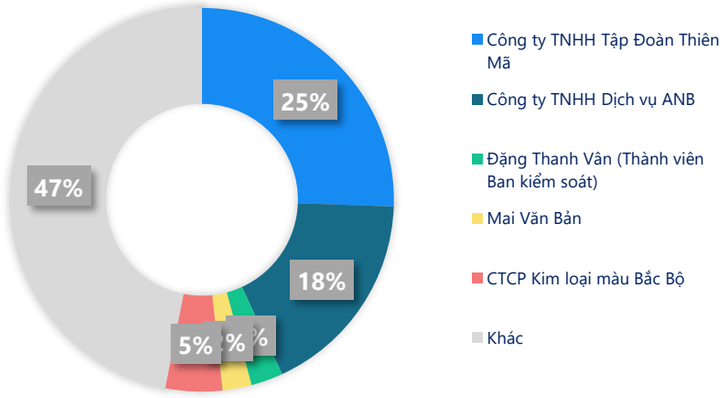
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



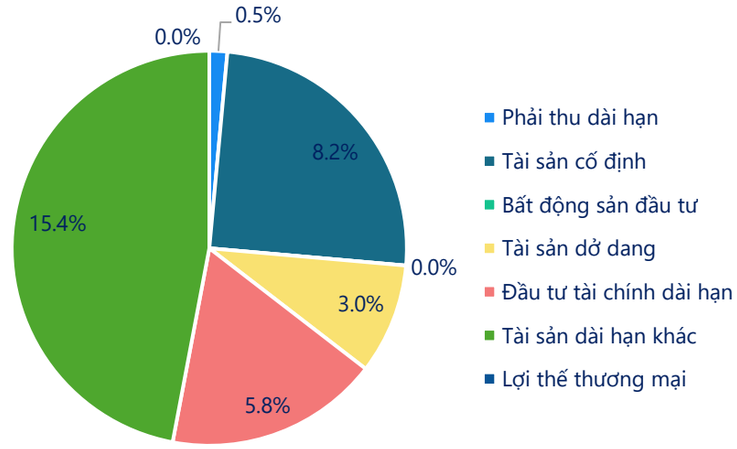
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

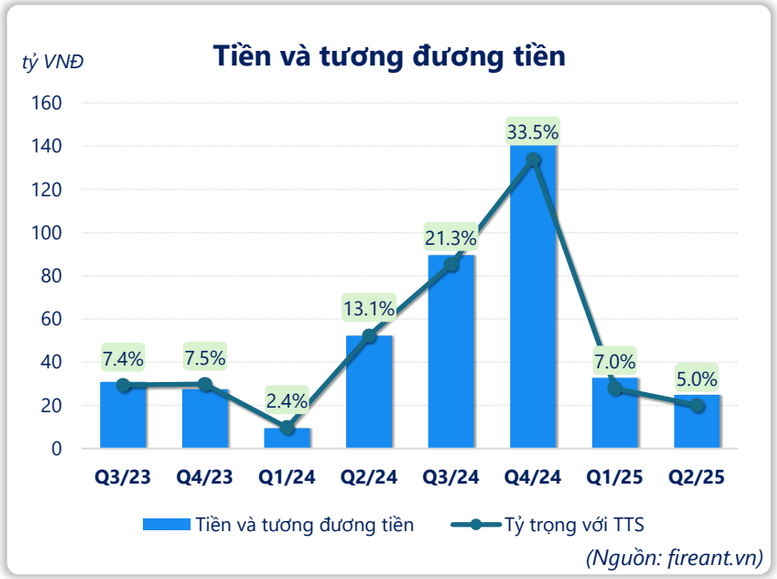
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



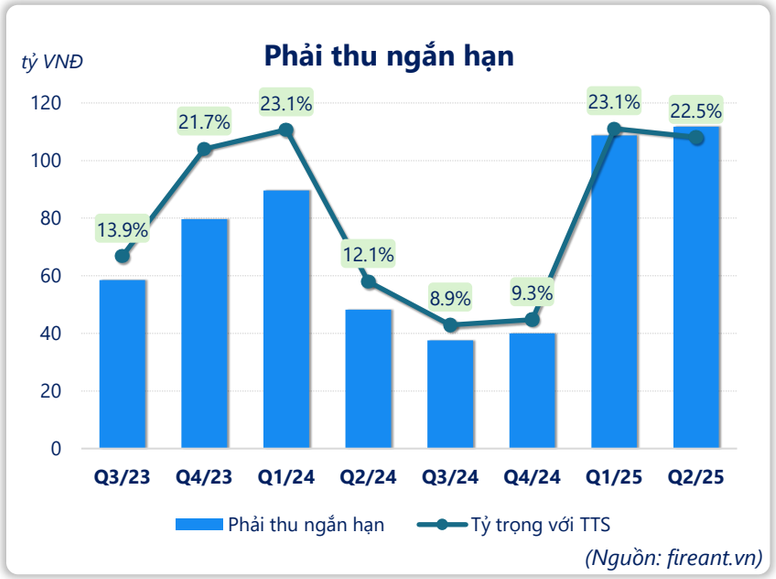
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

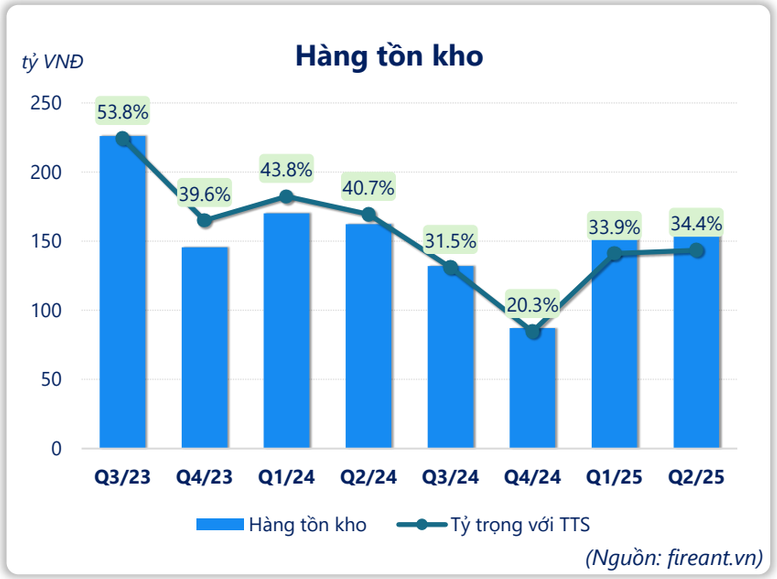
CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)



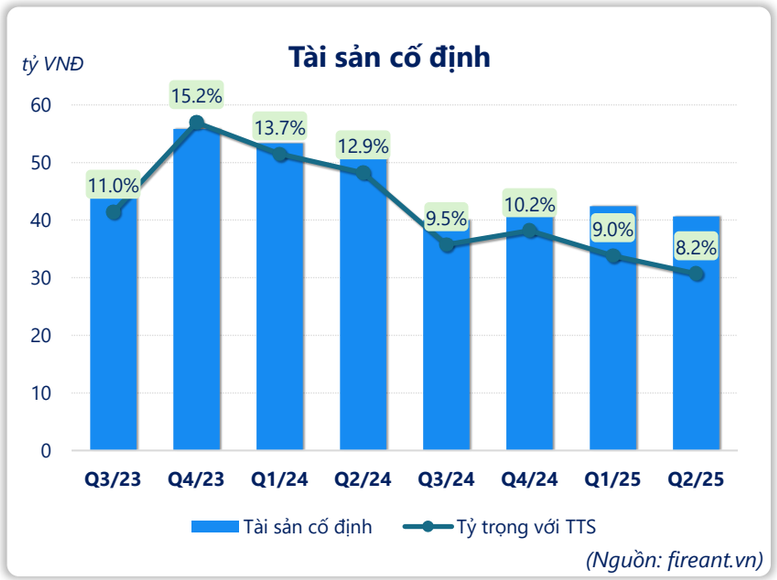
(Nguồn: fireant.vn)



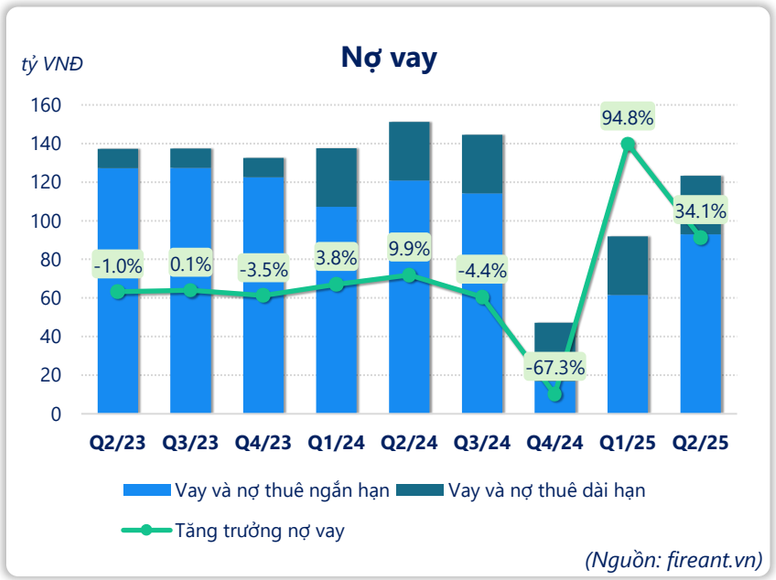
(Nguồn: fireant.vn)



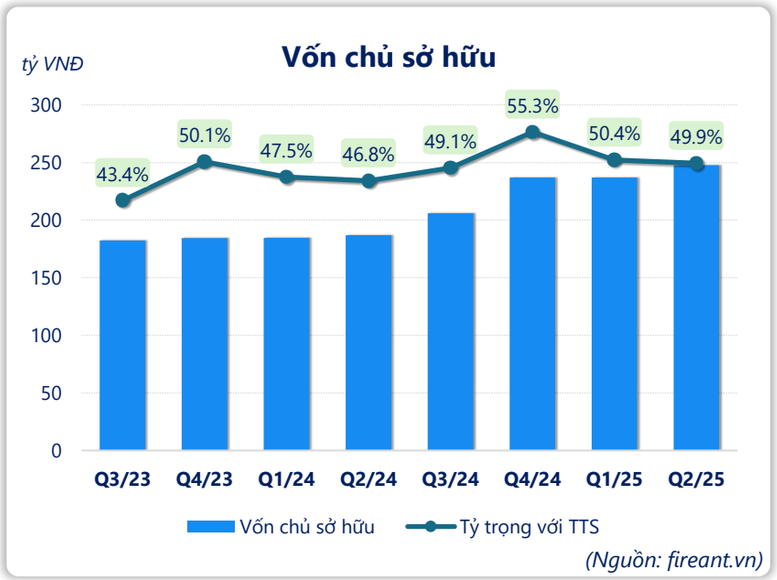
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

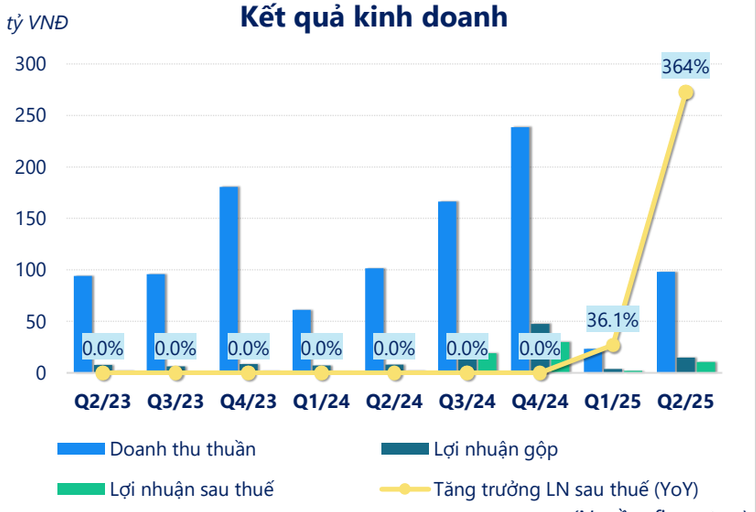


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

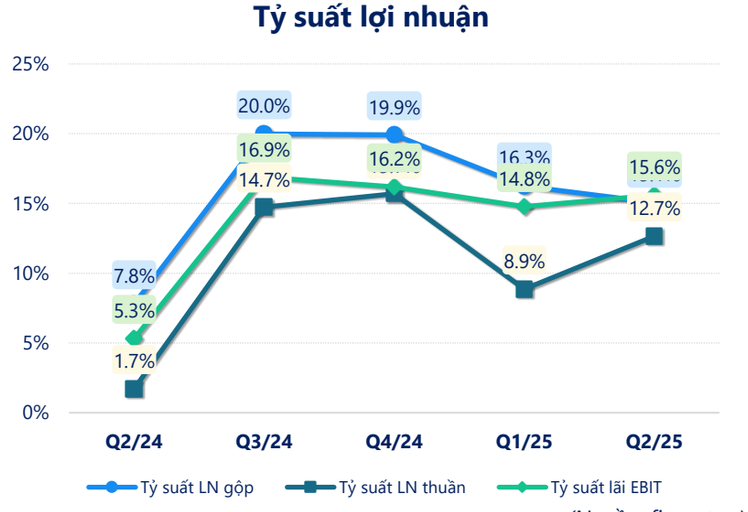
CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)

Kết quả kinh doanh



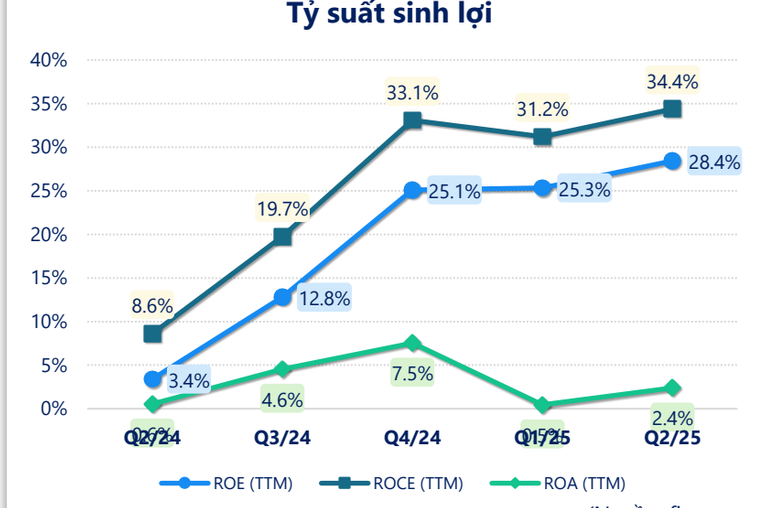
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



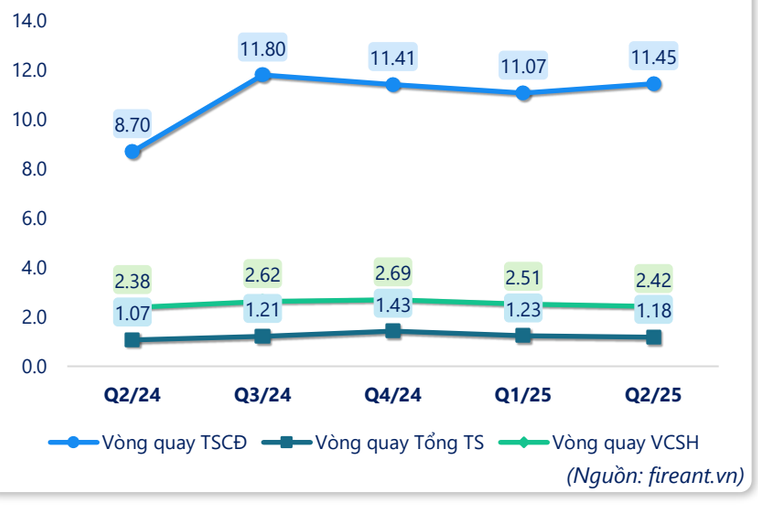
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



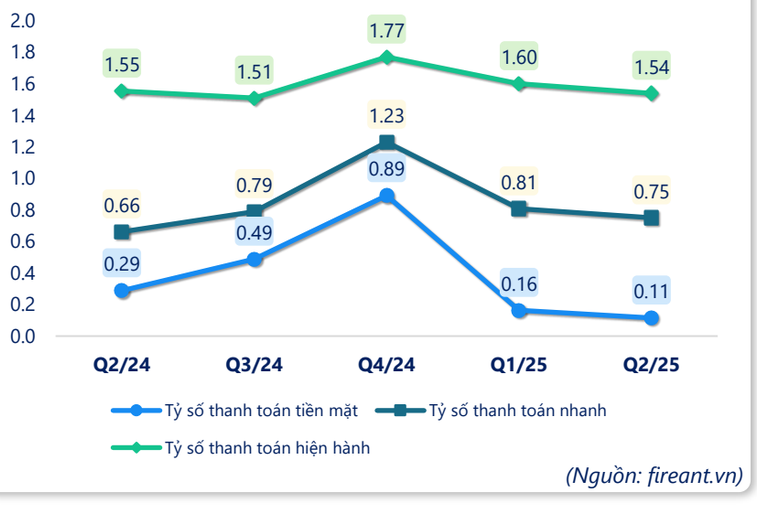
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



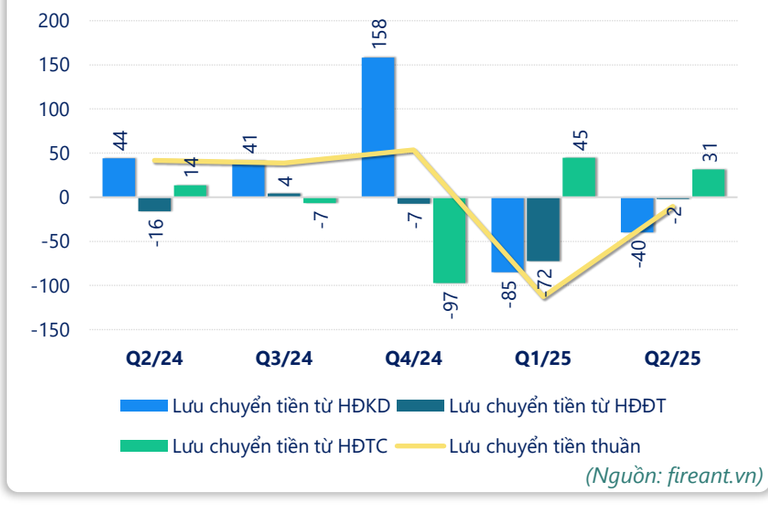
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**497**	**428**	**16.0%**
Tài sản ngắn hạn	334	285	17.1%
Tiền và tương đương tiền	24.9	144	-82.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	112	39.5	183%
Hàng tồn kho	171	87.1	96.3%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	14.7	76.2%
Tài sản dài hạn	**163**	**143**	**14.0%**
Phải thu dài hạn	2.39	2.14	12.1%
Tài sản cố định	40.6	43.6	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.8	11.9	24.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.6	28.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**76.7**	**56.8**	**34.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	249	193	29.0%
Nợ ngắn hạn	**217**	**161**	**34.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.9	16.8	453%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.7	93.6	-5.2%
Nợ dài hạn	32.4	32.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**248**	**235**	**5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**248**	**235**	**5.4%**
Vốn điều lệ	117	117	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	101	166	239	23.4	98.1
Giá vốn hàng bán	93.5	133	191	19.6	83.3
Lợi nhuận gộp	7.92	33.2	47.5	3.80	14.8
Doanh thu HĐTC	1.11	0.01	0.82	1.87	3.97
Chi phí TC	2.52	4.21	4.91	1.05	1.88
Chi phí lãi vay	2.52	4.21	1.13	0.98	1.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.77	0.96	0.86	0.18	0.77
Chi phí QLDN	3.99	3.56	5.10	2.37	3.69
LN thuần từ HĐKD	1.74	24.5	37.5	2.07	12.4
Lợi nhuận khác	1.13	-0.63	0.02	0.40	0.93
LN trước thuế	2.88	23.9	37.5	2.47	13.3
Lợi nhuận sau thuế	2.30	19.1	30.0	1.98	10.7
LNST của CĐ cty mẹ	2.30	19.1	30.0	1.98	10.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.1	41.2	158	-85.0	-39.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.0	4.33	-7.36	-72.3	-1.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.6	-6.69	-97.3	44.7	31.4
Tiền đầu kỳ	9.45	52.3	89.5	144	32.8
Lưu chuyển tiền thuần	**41.7**	**38.9**	**53.6**	**-113**	**-10.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.11	-1.69	0.60	1.65	2.57
Tiền cuối kỳ	52.3	89.5	144	32.8	24.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic